TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Thái Văn Sơn.
2/ Bà Mai Thị Tám.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 960/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2024 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1989; (có đơn xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 072089013303, cấp ngày 27/12/2021.

Địa chỉ: Số A, đường B, tổ G, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1997; (có đơn xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 079197002957, cấp ngày 30/11/2023.

Địa chỉ: Số B, đường N, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 13/4/2022. Trong cuộc sống gia đình vợ chồng ông hay bất đồng ý kiến trong gia đình và sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, ông bà đã ly thân được 06 tháng, ông trao đổi với vợ ông đồng ý ly hôn và yêu cầu ông nộp đơn tại Tòa án. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Như .

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, bản chính giấy kết hôn, đơn xin vắng mặt, bản sao căn cước công dân.

Theo nội dung bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là Nguyễn Thị N, chồng là ông Đoàn Văn H, ông bà đã đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi sống chung một thời gian ông bà cảm thấy không hợp nhau nên quyết định ly hôn. Bà đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản tự khai, đơn xin vắng mặt, bản sao căn cước công dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Nguyên đơn, bị đơn đã có bản tự khai rõ ràng và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được UBND Phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55/2022 ngày 13/4/2022 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà N và bà N cũng đồng ý ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng ông H và bà N đều muốn ly hôn để trả tự do cho nhau theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn, bị đơn cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Như .

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2022 ngày 13/4/2022 của Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông H và bà N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có..

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Đoàn Văn H phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016059 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương